



Surge Emergency Fee

Cập nhật ngày 19 tháng 4, 2026

UPS sẽ điều chỉnh mức Phí Biến Động Khẩn Cấp cho các lô hàng được chọn để ứng phó với các điều kiện thị trường. Mục tiêu của chúng tôi là đảm bảo có thể tiếp tục đáp ứng nhu cầu vận chuyển của khách hàng mà không ảnh hưởng đến chất lượng hoặc thời gian dịch vụ mà khách hàng mong đợi. Phụ phí nhiên liệu sẽ được áp dụng vào khoản phí này, và sẽ dựa trên trọng lượng tính phí của lô hàng. Xem bảng bên dưới để biết thêm thông tin.

Xin lưu ý rằng Phí Biến Động Khẩn Cấp có thể thay đổi. Người gửi hàng nên tiếp tục kiểm tra trang Khu vực và Giá cước vận chuyển của UPS.com để biết thông tin cập nhật trước khi gửi hàng. Xem bên dưới để biết mức giá áp dụng cho mỗi kilogram.

Ghi chú: Phí Biến Động Khẩn Cấp có thể được áp dụng dựa trên đánh giá thường xuyên về khối lượng vận chuyển, năng lực vận chuyển khả dụng và các cân nhắc khác. UPS có quyền áp dụng một hoặc nhiều Phí Biến Động Khẩn Cấp cho các Gói hàng được vận chuyển trong thời gian cao điểm hoặc nhu cầu cao, tùy theo quyết định riêng của UPS. Chi tiết về việc áp dụng Phí Biến Động Khẩn Cấp được nêu tại trang Khu vực và Giá cước Vận chuyển của UPS.com. Phí Biến Động Khẩn Cấp được áp dụng cộng dồn nếu một gói hàng đáp ứng nhiều hơn một tiêu chí được chỉ định. Phí Biến Động Khẩn Cấp được áp dụng ngoài các khoản phí khác có liên quan. Không có bất kỳ khoản miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm nào đối với Phí Biến Động Khẩn Cấp được áp dụng trừ khi UPS đồng ý bằng văn bản với việc miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm đó, kèm theo tham chiếu cụ thể bằng văn bản đến Phí Biến Động Khẩn Cấp.

A. Phí Biên Động Khẩn Cấp – Áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu¹ từ các điểm xuất phát toàn cầu đến Châu Á Thái Bình Dương:

Từ 22 tháng 3, 2026, cho đến 18 tháng 4, 2026

Điểm đến	Xuất xứ			
	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (U.A.E)	Israel	Trung Đông ²	Châu Âu ³
Úc	AUD 4.90	AUD 4.90	AUD 4.41	N.A.
Trung Quốc đại lục	RMB 24.60	RMB 24.60	RMB 22.02	N.A.
Đặc khu hành chính Hồng Kông	HKD 27.00	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.
Ấn Độ	INR 302.00	INR 302.00	INR 270.00	INR 270.00
Indonesia	IDR 48,840.00	IDR 48,840.00	IDR 43,660.00	N.A.
Nhật Bản	JPY 507.00	JPY 507.00	JPY 454.00	N.A.
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 27.00	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.
Malaysia	MYR 13.30	N.A.	MYR 11.87	N.A.
Philippines	USD 3.30	USD 3.30	USD 2.95	N.A.
Singapore	SGD 4.20	SGD 4.20	SGD 3.74	N.A.
Hàn Quốc	KRW 4,722.00	KRW 4,722.00	KRW 4,220.00	N.A.
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 103.00	TWD 103.00	TWD 92.28	N.A.
Thái Lan	THB 103.00	THB 103.00	THB 91.87	N.A.
Việt Nam	VND 77,550.00	VND 77,550.00	VND 69,325.00	N.A.

Từ 19 tháng 4, 2026, cho đến khi có thông báo mới

Điểm đến	Xuất xứ					
	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (U.A.E)	Israel	Trung Đông ²	Châu Âu ³	U.S. ⁴	Châu Á Thái Bình Dương ⁵
Úc	AUD 4.90	AUD 4.90	AUD 4.41	N.A.	AUD 0.75	AUD 0.15
Trung Quốc đại lục	RMB 24.60	RMB 24.60	RMB 22.02	N.A.	RMB 3.73	RMB 0.75
Đặc khu hành chính Hồng Kông	HKD 27.00	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.	HKD 4.09	HKD 0.82
Ấn Độ	INR 302.00	INR 302.00	INR 270.00	INR 270.00	INR 46.00	INR 9.00
Indonesia	IDR 48,840.00	IDR 48,840.00	IDR 43,660.00	N.A.	IDR 7,400.00	IDR 1,480.00
Nhật Bản	JPY 507.00	JPY 507.00	JPY 454.00	N.A.	JPY 77.00	JPY 15.00
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 27.00	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.	HKD 4.09	HKD 0.82
Malaysia	MYR 13.30	N.A.	MYR 11.87	N.A.	MYR 2	MYR 0.40
Philippines	USD 3.30	USD 3.30	USD 2.95	N.A.	USD 0.50	USD 0.10
Singapore	SGD 4.20	SGD 4.20	SGD 3.74	N.A.	SGD 0.63	SGD 0.13
Hàn Quốc	KRW 4,722.00	KRW 4,722.00	KRW 4,220.00	N.A.	KRW 716	KRW 143.00
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 103.00	TWD 103.00	TWD 92.28	N.A.	TWD 15.64	TWD 3.13
Thái Lan	THB 103.00	THB 103.00	THB 91.87	N.A.	THB 16.00	THB 3.00
Việt Nam	VND 77,550.00	VND 77,550.00	VND 69,325.00	N.A.	VND 11,750.00	VND 2,350.00

¹Áp dụng cho các lô hàng trên UPS Worldwide Express, UPS Worldwide Express Plus, UPS Worldwide Express Saver, UPS Worldwide Expedited, UPS Worldwide Express Freight và UPS Worldwide Express Freight Midday.

²Trung Đông bao gồm Afghanistan, Bahrain, Bangladesh, Ai Cập, Iraq, Jordan, Kuwait, Lebanon, Nepal, Oman, Pakistan, Qatar, Ả Rập Xê Út và Sri Lanka.

³Châu Âu bao gồm Áo, Bỉ, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Hungary, Ireland, Ý, Luxembourg, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh.

⁴U.S. đề cập đến Mỹ.

⁵Châu Á Thái Bình Dương bao gồm Samoa thuộc Mỹ, Úc, Brunei, Campuchia, Trung Quốc đại lục, Fiji, Polynesia thuộc Pháp, Guam, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Malaysia, Myanmar, Mông Cổ, Đặc khu hành chính Ma Cao, New Caledonia, New Zealand, Quần đảo Bắc Mariana, Philippines, Singapore, Samoa, Thái Lan, Đài Loan và Việt Nam.

Ghi chú: Phí Biên Động Khẩn Cấp không áp dụng cho các lô hàng vận chuyển nội địa.

B. Phí Biển Đông Khẩn Cấp – Áp dụng cho các lô hàng xuất khẩu¹ từ các điểm xuất ở Châu Á Thái Bình Dương đến các điểm đến toàn cầu**Từ 5 tháng 4, 2026, đến 18 tháng 4, 2026**

Xuất xứ	Điểm đến			
	Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống Nhất (U.A.E) & Israel	Trung Đông ²	Châu Âu ³	U.S. ⁴ và Châu Mỹ ⁵
Úc	AUD 4.90	AUD 4.41	N.A.	N.A.
Trung Quốc đại lục	RMB 24.60	RMB 22.02	N.A.	N.A.
Đặc khu hành chính Hồng Kông	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.	N.A.
Ấn Độ	INR 302.00	INR 270.00	INR 92.00	INR 133.00
Indonesia	IDR 48,840.00	IDR 43,660.00	N.A.	N.A.
Nhật Bản	JPY 507.00	JPY 454.00	N.A.	N.A.
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 27.00	HKD 24.12	N.A.	N.A.
Malaysia	MYR 13.30	MYR 11.87	N.A.	N.A.
Philippines	USD 3.30	USD 2.95	N.A.	N.A.
Singapore	SGD 4.20	SGD 3.74	N.A.	N.A.
Hàn Quốc	KRW 4,722.00	KRW 4,220.00	N.A.	N.A.
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 103.00	TWD 92.28	N.A.	N.A.
Thái Lan	THB 103.00	THB 91.87	N.A.	N.A.
Việt Nam	VND 77,550.00	VND 69,325.00	N.A.	N.A.

¹Áp dụng cho các lô hàng trên UPS Worldwide Express, UPS Worldwide Express Plus, UPS Worldwide Express Saver, UPS Worldwide Expedited, UPS Worldwide Express Freight và UPS Worldwide Express Freight Middy.²Trung Đông bao gồm Afghanistan, Bahrain, Bangladesh, Ai Cập, Iraq, Jordan, Kuwait, Lebanon, Nepal, Oman, Pakistan, Qatar, Ả Rập Xê Út, Sri Lanka.³Châu Âu bao gồm Albania, Andorra, Armenia, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Gibraltar, Hy Lạp, Guernsey, Hungary, Iceland, Ireland, Ý, Jersey (Quần đảo Channel), Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Moldova, Montenegro, Hà Lan, Bắc Macedonia, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina và Vương quốc Anh⁴U.S. đề cập đến Mỹ.⁵Châu Mỹ bao gồm Anguilla, Antigua và Barbuda, Argentina, Aruba, Bahamas, Barbados, Belize, Bermuda, Bolivia, Bonaire, St. Eustatius, Saba, Brazil, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Canada, Quần đảo Cayman, Chile, Colombia, Costa Rica, Cuba, Curacao, Dominica, Cộng hòa Dominica, Ecuador, El Salvador, Guiana thuộc Pháp, Grenada, Guadeloupe, Guatemala, Guyana, Haiti, Honduras, Jamaica, Martinique, Mexico, Montserrat, Nicaragua, Panama, Paraguay, Peru, Puerto Rico, St. Barthelemy, St. Christopher (St. Kitts), St. Lucia, St. Martin, St. Maarten, St. Vincent và Grenadines, Suriname, Trinidad và Tobago, Quần đảo Turks và Caicos, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Uruguay và Venezuela.

Ghi chú: Phí Biển Đông Khẩn Cấp không áp dụng cho các lô hàng vận chuyển nội địa.

Từ 19 tháng 4, 2026 cho đến khi có thông báo mới

Xuất xứ	Điểm đến						
	Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống Nhất (U.A.E) & Israel	Trung Đông ²	Châu Âu ³	U.S. ⁴ và Châu Mỹ ⁵	Châu Á Thái Bình Dương ⁶	Các nước còn lại của ISMEA ⁷	Các nước còn lại của thế giới ⁸
Úc	AUD 4.90	AUD 4.41	AUD 0.37	AUD 0.37	AUD 0.15	AUD 0.37	AUD 0.37
Trung Quốc đại lục	RMB 24.60	RMB 22.02	RMB 2.24	RMB 3.73	RMB 0.75	RMB 2.24	RMB 3.73
Đặc khu hành chính Hồng Kông	HKD 27.00	HKD 24.12	HKD 2.45	HKD 4.09	HKD 0.82	HKD 2.45	HKD 4.09
Ấn Độ	INR 302.00	INR 270.00	INR 92.00	INR 133.00	INR 9.00	INR 92.00	INR 133.00
Indonesia	IDR 48,840.00	IDR 43,660.00	IDR 3,700.00	IDR 3,700.00	IDR 1,480.00	IDR 3,700.00	IDR 3,700.00
Nhật Bản	JPY 507.00	JPY 454.00	JPY 38.00	JPY 38.00	JPY 15.00	JPY 38.00	JPY 38.00
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 27.00	HKD 24.12	HKD 2.45	HKD 4.09	HKD 0.82	HKD 2.45	HKD 4.09
Malaysia	MYR 13.30	MYR 11.87	MYR 1.00	MYR 1.00	MYR 0.40	MYR 1.00	MYR 1.00
Philippines	USD 3.30	USD 2.95	USD 0.25	USD 0.25	USD 0.10	USD 0.25	USD 0.25
Singapore	SGD 4.20	SGD 3.74	SGD 0.32	SGD 0.32	SGD 0.13	SGD 0.32	SGD 0.32
Hàn Quốc	KRW 4,722.00	KRW 4,220.00	KRW 358.00	KRW 358.00	KRW 143.00	KRW 358.00	KRW 358.00
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 103.00	TWD 92.28	TWD 7.82	TWD 7.82	TWD 3.13	TWD 7.82	TWD 7.82
Thái Lan	THB 103.00	THB 91.87	THB 8.00	THB 8.00	THB 3.00	THB 8.00	THB 8.00
Việt Nam	VND 77,550.00	VND 69,325.00	VND 5,875.00	VND 5,875.00	VND 2,350.00	VND 5,875.00	VND 5,875.00

¹Áp dụng cho các lô hàng trên UPS Worldwide Express, UPS Worldwide Express Plus, UPS Worldwide Express Saver, UPS Worldwide Expedited, UPS Worldwide Express Freight và UPS Worldwide Express Freight Midday.

²Trung Đông bao gồm Afghanistan, Bahrain, Bangladesh, Ai Cập, Iraq, Jordan, Kuwait, Lebanon, Nepal, Oman, Pakistan, Qatar, Ả Rập Xê Út và Sri Lanka.

³Châu Âu bao gồm Albania, Andorra, Armenia, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Gibraltar, Hy Lạp, Guernsey, Hungary, Iceland, Ireland, Ý, Jersey (Quần đảo Channel), Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Moldova, Montenegro, Hà Lan, Bắc Macedonia, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraina và Vương quốc Anh.

⁴U.S. để cập đến Mỹ.

⁵Châu Mỹ bao gồm đến Anguilla, Antigua và Barbuda, Argentina, Aruba, Bahamas, Barbados, Belize, Bermuda, Bolivia, Bonaire, St. Eustatius, Saba, Brazil, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Canada, Quần đảo Cayman, Chile, Colombia, Costa Rica, Cuba, Curacao, Dominica, Cộng hòa Dominica, Ecuador, El Salvador, Guiana thuộc Pháp, Grenada, Guadeloupe, Guatemala, Guyana, Haiti, Honduras, Jamaica, Martinique, Mexico, Montserrat, Nicaragua, Panama, Paraguay, Peru, Puerto Rico, St. Barthelemy, St. Christopher (St. Kitts), St. Lucia, St. Martin, St. Maarten, St. Vincent và Grenadines, Suriname, Trinidad và Tobago, Quần đảo Turks và Caicos, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Uruguay và Venezuela.

⁶Châu Á Thái Bình Dương bao gồm Samoa thuộc Mỹ, Úc, Brunei, Campuchia, Trung Quốc đại lục, Fiji, Polynesia thuộc Pháp, Guam, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Malaysia, Myanmar, Mông Cổ, Đặc khu hành chính Ma Cao, New Caledonia, New Zealand, Quần đảo Bắc Mariana, Philippines, Singapore, Samoa, Thái Lan, Đài Loan và Việt Nam.

⁷Phần còn lại của ISMEA bao gồm Angola, Azerbaijan, Burkina Faso, Burundi, Benin, Botswana, Congo, Cộng hòa Dân chủ Congo, Cộng hòa, Bờ Biển Ngà, Cameroon, Cape Verde, Djibouti, Algeria, Eritrea, Ethiopia, Gabon, Ghana, Gambia, Guinea, Guinea Xích đạo, Guinea-Bissau, Kenya, Kyrgyzstan, Comoros, Kazakhstan, Liberia, Lesotho, Libya, Maroc, Madagascar, Mali, Mauritania, Mauritius, Maldives, Malawi, Mozambique, Namibia, Niger, Nigeria, Đảo Reunion, Rwanda, Seychelles, Sierra Leone, Senegal, Sao Tome và Principe, Swaziland, Chad, Togo, Tajikistan, Turkmenistan, Cộng hòa, Tunisia, Tanzania, Cộng hòa thống nhất, Uganda, Uzbekistan, Yemen, Mayotte, Nam Phi, Zambia và Zimbabwe.

⁸Phần còn lại của thế giới bao gồm Cộng hòa Trung Phi, Quần đảo Cook, Micronesia, Quần đảo Faeroe và Greenland.

Ghi chú: Phí Biển Động Khẩn Cấp không áp dụng cho các lô hàng vận chuyển nội địa.